

Các chiến lược và chính sách KHUNG CỦA CHÚNG TÔI

ĐẨY MẠNH CUỘC ĐẤU TRANH CHỐNG ĐÓI NGHÈO Ở CHÂU Á VÀ THÁI BÌNH DƯƠNG

Chiến lược giảm nghèo của
Ngân hàng Phát triển Châu Á

Ngân hàng Phát triển Châu Á

Do Ngân hàng Phát triển Châu Á xuất bản tháng 12 năm 2004.

Tài liệu này được dịch từ nguyên bản tiếng Anh với mục đích phục vụ đồng đảo bạn đọc. Tuy nhiên, tiếng Anh vẫn là ngôn ngữ chính của Ngân hàng Phát triển Châu Á và chỉ có nguyên bản tiếng Anh của tài liệu này mới đáng tin cậy (nghĩa là chỉ nguyên bản tiếng Anh được chính thức công nhận và có hiệu lực). Do vậy, các trích dẫn cần dựa vào nguyên bản tiếng Anh của tài liệu này. Ngân hàng Phát triển Châu Á không đảm bảo tính chính xác của bản dịch và không chịu trách nhiệm nếu có sự sai lệch từ bản gốc.

Lời nói đầu

Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) chính thức xác định giảm nghèo là mục tiêu bao trùm của mình vào năm 1999 và đã công bố Chiến lược giảm nghèo (PRS) để thực hiện mục tiêu này. Bốn năm sau khi Chiến lược giảm nghèo được đưa vào thực hiện, một cuộc đánh giá toàn diện đã được thực hiện để thu nhận ý kiến phản hồi từ kinh nghiệm thực hiện Chiến lược giảm nghèo và để xem xét tính phù hợp của nó trong bối cảnh những thay đổi lớn đã diễn ra trong phạm vi khu vực và trên toàn cầu. Quá trình này được hoàn thành vào tháng 7 năm 2004. Tài liệu này tóm tắt những nội dung thiết yếu của chiến lược giảm nghèo của ADB trong giai đoạn hiện nay, chiến lược mà đã được củng cố hơn qua nhờ những ý kiến phản hồi từ cuộc kiểm điểm này.

Trở lại năm 1999, khu vực vẫn còn chao đảo do cuộc khủng hoảng kinh tế tấn công hai năm trước đó. Kể từ đó, đã có sự phục hồi kinh tế mạnh mẽ sau cuộc khủng hoảng tài chính năm 1997, nhưng khu vực hiện vẫn đang phải đương đầu với những thách thức kinh tế và chính trị mới. Thêm vào đó, một cấu trúc toàn cầu mới về hợp tác phát triển đã xuất hiện qua việc đưa các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ thành tiêu chí theo dõi sự tiến triển trong giảm nghèo. Cấu trúc mới này nhấn mạnh hơn tới quan hệ đối tác trong phát triển, hài hoà hoá thủ tục, định hướng theo kết quả và xây dựng năng lực của các nước đang phát triển để hỗ trợ cho giảm nghèo.

Bản đánh giá việc thực hiện Chiến lược giảm nghèo đã khẳng định rằng trước tất cả những thách thức và thay đổi này, khung khổ giảm nghèo cơ bản bao gồm ba trụ cột – tăng trưởng kinh tế bền vững vì người nghèo; phát triển xã hội; và quản trị tốt – vẫn là phù hợp. Nhưng để đạt được hiệu quả lớn hơn, đánh giá khuyến nghị cần điều chỉnh đường lối chiến lược, bao gồm việc đặt trọng tâm quốc gia lớn hơn, gắn kết các hoạt động của ADB với chiến lược giảm nghèo của quốc gia và với việc thúc đẩy các quan hệ đối tác xung quanh chiến lược đó. Bản đánh giá cũng đề nghị quan tâm nhiều hơn đến kết quả, giám sát và đánh giá; và chú trọng hơn đến việc xây dựng năng lực.

Mặc dù đạt được những tiến bộ to lớn nhưng hiểm họa nghèo đói vẫn hiển hiện ở Châu Á và Thái Bình Dương, nơi có tới hai phần ba

người nghèo của toàn thế giới. Nghèo đói về thu nhập có thể đã giảm đi trong những năm gần đây nhưng sự tiến triển vẫn còn rất chậm ở nhiều khu vực. Chúng ta có thể và phải đẩy nhanh những nỗ lực, phát huy những thành công đã có và tiếp thêm sinh lực cho bản thân nhằm cải thiện một cách đáng kể tác động của những hoạt động can thiệp của ADB đối với việc giảm nghèo. Xây dựng trên kinh nghiệm của các nước thành viên đang phát triển (DMCs) và những phát hiện của bản đánh giá này, Chiến lược giảm nghèo đã được củng cố này sẽ định hướng cho ADB đạt được viễn cảnh của mình về khu vực Châu Á và Thái Bình Dương không có nghèo đói.

Tadao Chino (đã ký)
Chủ tịch
Tháng 12 năm 2004

Mục lục

Lời nói đầu

I.	Sứ mệnh của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)	1
	A. Giảm nghèo: Mục tiêu bao trùm của ADB	1
	B. Giảm nghèo qua việc phát huy thành công	2
	C. Đáp ứng của ADB trước những thách thức	3
II.	Khuông khổ giảm nghèo:	
	Những trụ cột của Chiến lược giảm nghèo	5
	A. Tăng trưởng kinh tế bền vững vì người nghèo	6
	B. Phát triển xã hội toàn diện	8
	C. Quản trị tốt	10
III.	Chiến lược	12
	A. Trọng tâm hơn vào quốc gia	12
	B. Các chủ đề ưu tiên	17
IV.	Thực hiện Chiến lược	20
	A. Quản lý các kết quả phát triển	20
	B. Thúc đẩy học hỏi và hình thành những công cụ mới	22
	C. Xây dựng năng lực của ADB để thực hiện Chiến lược củng cố	23
	Các mục tiêu và chỉ tiêu Phát triển Thiên niên kỷ và đánh giá tiến bộ	25

Từ viết tắt

ADB	-	Ngân hàng Phát triển Châu Á
ADF	-	Quỹ Phát triển Châu Á
CSP	-	Chiến lược và chương trình quốc gia
DMC	-	Nước thành viên đang phát triển
GMS	-	Tiểu vùng Mê Công mở rộng
M&E	-	Giám sát và đánh giá
MDG	-	Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ
MfDR	-	Quản lý các kết quả phát triển
NGO	-	Tổ chức phi chính phủ
NPRS	-	Chiến lược giảm nghèo quốc gia
PPA	-	Thoả thuận đối tác nghèo đói
PRS	-	Chiến lược giảm nghèo
RCSP	-	Chiến lược và chương trình hợp tác khu vực
RSDD	-	Vụ Phát triển vùng và phát triển bền vững
SWAp	-	Phương pháp tiếp cận hỗ trợ theo ngành

I. Sứ mệnh của Ngân hàng Phát triển Châu Á

A. Giảm nghèo: Mục tiêu bao trùm của Ngân hàng Phát triển Châu Á

1. Mục tiêu về khu vực Châu Á - Thái Bình Dương không nghèo đối xác định rõ ràng sứ mệnh của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB). Tất cả các mục tiêu mang tính chiến lược khác sẽ được xây dựng theo hướng đóng góp hiệu quả nhất cho mục tiêu này. Nghèo là một hoàn cảnh không thể chấp nhận được của loài người trong thế kỷ 21. Đó là điều có thể tránh được; chính sách công và hoạt động công có thể và cần phải giúp xoá bỏ tình trạng nghèo. Mặc dù có những tiến bộ đáng kể trong việc giảm nghèo ở khu vực, nhưng gần hai phần ba số người nghèo của thế giới đang sống ở Châu Á và Thái Bình Dương. Tình trạng này phải thay đổi.

2. Nghèo đói có đặc trưng là thiếu khả năng tiếp cận với các hàng hoá, dịch vụ, tài sản và cơ hội thiết yếu mà mỗi con người có quyền được hưởng. Mọi người cần thoát khỏi nạn đói, cần có khả năng sống trong hoà bình và cần có khả năng tiếp cận với các dịch vụ giáo dục cơ sở và chăm sóc sức khỏe ban đầu. Các hộ nghèo cần tự mình duy trì sự sống bằng sức lao động của mình, cần được trả công hợp lý và cần được bảo vệ ở một mức độ nào đó khỏi những cú sốc từ bên ngoài. Thêm vào đó, các cá nhân và xã hội còn nghèo – và sẽ có xu hướng tiếp tục như vậy – nếu họ không có quyền tham gia vào việc đưa ra những quyết định có ảnh hưởng đến cuộc sống của họ.

3. ADB luôn quan tâm đến việc giảm nghèo. Bắt đầu bằng việc đặt trọng tâm vào tăng trưởng kinh tế, ADB đã từng bước mở rộng cách tiếp cận phát triển của mình để bao hàm các mối quan tâm xã hội và môi trường khác nhau. Những kinh nghiệm thu nhận được ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương đã mang lại niềm tin rằng có thể giảm đáng kể nghèo đói tuyệt đối.

4. Tiếp sau Tuyên bố Thiên niên kỷ của Liên hợp quốc, ADB đã đưa vào chiến lược giảm nghèo của mình các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ (MDGs) trong đó nêu rõ các chỉ tiêu giảm theo cả khía cạnh nghèo về thu nhập và phi thu nhập. Những bước tiến bộ hướng tới các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ sẽ được sử dụng để theo dõi tác động của chiến lược. Ở cấp độ hoạt động, ADB hỗ trợ các nước thành viên đang phát triển của mình lồng ghép các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ vào các chiến lược giảm nghèo quốc gia của họ và giám sát các tiến bộ đạt được.

B. Giảm nghèo qua việc phát huy thành công

5. Vào đầu thập kỷ 70, hơn một nửa dân số của khu vực là người nghèo. Vào năm 1990, khoảng 32% hay 900 triệu dân trong khu vực sống với mức chi tiêu chưa đầy 1 USD mỗi ngày. Đến năm 2000, con số này đã giảm đi khoảng 180 triệu còn 720 triệu. Điều này đã đạt được bất chấp cuộc khủng hoảng tài chính lớn vào năm 1997 – cuộc khủng hoảng đã làm suy giảm tăng trưởng của vùng và gây ra sự thụt lùi tạm thời trong việc giảm nghèo.

6. Tuy nhiên, vẫn còn một chặng đường dài phải trải qua. Nghèo vẫn ở mức không chấp nhận được và tiến bộ đạt được lại không đồng đều giữa các nơi trong khu vực. Trong thập kỷ 70 và 80, giảm nghèo được nhấn mạnh nhiều nhất ở Đông Á và Đông Nam Á. Mặt khác, trong thập kỷ vừa qua, điều này thể hiện rõ nét nhất ở Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và Ấn Độ. Theo những ước tính chính thức, tỷ lệ nghèo đói đã giảm từ 31% xuống 16% ở nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và từ 41% xuống 33% ở Ấn Độ. Những nước còn lại trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương không đạt được sự cải thiện lớn trong lĩnh vực này.

7. Ngoài ra, có ít sự tiến bộ hơn trong các khía cạnh nghèo đói ngoài thu nhập. Ví dụ, tỷ lệ tử vong ở trẻ em dưới 5 tuổi trong vùng giảm từ 85/1.000 trẻ đẻ sống vào năm 1990 xuống 70 vào năm 2000, là một tỷ lệ quá thấp để đạt được MDG về giảm hai phần ba tỷ lệ tử vong ở trẻ em dưới 5 tuổi vào năm 2015. Thách thức lớn nhất trong lĩnh vực này là khu vực Nam Á nơi tỷ lệ tử vong của trẻ em và trẻ sơ sinh vẫn ở mức cao khác thường. Tỷ lệ tử vong ở trẻ em dưới 5 tuổi ở khu vực này giảm chậm trong thập kỷ 90 từ 120 xuống 94 trên 1.000 trẻ đẻ sống trong khi tỷ lệ tử vong của trẻ sơ sinh giảm từ 69 xuống 58 trên 1.000 trẻ đẻ sống. Mức độ tiến triển trong việc giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng, mở rộng diện trẻ em được tiêm chủng, tăng số ca sinh được

cán bộ y tế có chuyên môn chăm sóc và chống HIV/AIDS cũng vẫn còn chậm. Những chỉ tiêu này có mối liên hệ chặt chẽ với tình trạng nghèo đói của phụ nữ.¹

8. Vì vậy, mặc dù toàn bộ khu vực Châu Á - Thái Bình Dương dường như đang đi đúng hướng để đạt được các MDG về giảm nghèo thu nhập, nhưng một số nước có khả năng bị tụt hậu. Các nước khác – những nước có khả năng đạt được mục tiêu chung đó – vẫn có thể có những nhóm nghèo lớn. Ngoài ra, đẩy nhanh các tiến bộ để đạt được các mục tiêu MDG về nghèo đói phi thu nhập cũng tiếp tục là một thách thức hết sức to lớn.

C. Đáp ứng của ADB trước những thách thức

9. Vào tháng 01 năm 2002, ADB đã tổ chức lại các hoạt động của mình nhằm gắn kết cơ cấu và các quy trình hoạt động với mục tiêu bao trùm là giảm nghèo. Để đạt được trọng tâm quốc gia lớn hơn và định hướng theo khách hàng nhiều hơn, các hoạt động của ADB đang được phân cấp ngày càng nhiều cho các cơ quan đại diện thường trú – những cơ quan đã được tăng cường năng lực đáng kể. Nhiều chuyên gia về nghèo đói và phát triển xã hội đã được tuyển dụng để hỗ trợ về năng lực xử lý vấn đề giảm nghèo trong nội bộ ADB. Ở trụ sở chính của ADB, Vụ Phát triển vùng và phát triển bền vững (RSDD) đã được thành lập để giúp gắn kết các chính sách với chiến lược giảm nghèo (PRS), rà soát chất lượng của các hoạt động và thúc đẩy quản lý tri thức. Các nghiên cứu phân tích tác động của nghèo đói đã được tiến hành nhằm cung cấp thông tin tốt hơn cho các chiến lược quốc gia và thiết kế dự án.

10. Bản đánh giá Chiến lược giảm nghèo cho thấy việc đặt trọng tâm chiến lược lớn hơn vào giảm nghèo đã có tác động rõ rệt đến ADB và các hoạt động của nó. Các mối quan hệ đối tác với xã hội dân sự và các cơ quan phát triển khác đã được củng cố. Ở cấp quốc gia, các đánh giá nghèo đói đã giúp cung cấp thông tin cho các chương trình hỗ trợ để chú trọng hơn các chiến lược và chương trình quốc gia (CSPs) vào giảm nghèo. Bản đánh giá này kết luận rằng trọng tâm và định hướng chiến lược của PRS năm 1999 vẫn phù hợp. Đánh giá đã khuyến nghị rằng hỗ trợ cho quốc gia của ADB cần gắn chặt hơn với các chiến lược giảm nghèo quốc gia; cần áp dụng những cách tiếp cận

¹ Xem Ủy ban kinh tế và xã hội châu Á và Thái Bình Dương (ESCAP) và Chương trình phát triển của Liên hợp quốc (UNDP), 2003. *Thúc đẩy các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ ở châu Á và Thái Bình Dương*. Băng-cốc: ESCAP và UNDP.

toàn diện hơn trong giám sát đánh giá; và trọng tâm của việc giám sát khả năng thực hiện của ADB cần được nhìn nhận bằng các kết quả ở các nước thành viên đang phát triển để đạt được các mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ.

11. ADB dựa vào những điểm mạnh là sức mạnh đặc biệt để giảm nghèo. Những điểm mạnh này bao gồm việc đặt trọng tâm toàn diện vào khu vực Châu Á và Thái Bình Dương; nằm tại khu vực; và các thành viên trong khu vực nắm giữ đa số cổ phần. Đồng thời, việc tham gia của các nước thành viên ở ngoài khu vực đảm bảo rằng các nguồn lực và các triển vọng toàn cầu được huy động để giải quyết các vấn đề phát triển của khu vực. ADB tiến hành hỗ trợ trên cơ sở cấp vốn viện trợ không hoàn lại, cho vay đối với khu vực công và các hoạt động khu vực tư nhân theo cùng một cơ chế và tận dụng các lợi thế tổng hợp để mang lại kết quả.

12. Trong khi trách nhiệm giảm nghèo trước hết thuộc về các nước thành viên đang phát triển thì việc đóng góp về trí tuệ và tài chính của ADB có thể đóng một vai trò trọng yếu và mang tính xúc tác cho việc tăng cường các nỗ lực quốc gia. Chiến lược giảm nghèo được củng cố này bao gồm những cam kết xoá nghèo trong khu vực của ADB.

II. Khuôn khổ giảm nghèo

Những trụ cột của Chiến lược giảm nghèo

13. Bản chất của nghèo là phức tạp và nguyên nhân nghèo thì đa dạng. Người nghèo có thể không có được những tài sản và năng lực thiết yếu, bởi vì họ thường sống ở những vùng xa xôi, dễ xảy ra xung đột, hoặc những vùng nghèo tài nguyên. Người nghèo có thể dễ bị tổn thương do tuổi tác, sức khỏe, môi trường sống hoặc do nghề nghiệp. Sự trì trệ về mặt kinh tế có thể hạn chế những cơ hội để có được việc làm có thu nhập hoặc hữu ích. Người nghèo có thể bị từ chối không được tiếp cận với các tài sản hoặc dịch vụ bởi vì họ thuộc một nhóm dân tộc ít người hoặc họ sống ở một cộng đồng được coi là thấp kém về mặt xã hội, hoặc đơn giản chỉ là vì họ là phụ nữ, người tàn tật hoặc chỉ vì họ khác biệt. Ở một cấp độ rộng lớn hơn, nghèo có thể xuất hiện trong những hoàn cảnh khi sự bất bình đẳng chung vẫn tiếp diễn vì có những nhóm lợi ích và các cơ cấu quyền lực tồn tại. Sự khác biệt lớn về những điều kiện và nguyên nhân của nghèo ngụ ý những can thiệp để giảm nghèo phải được cụ thể hoá cho phù hợp với mỗi hoàn cảnh.

14. Một chiến lược giảm nghèo hữu hiệu phải giúp đạt được sự tăng trưởng kinh tế bền vững, vì người nghèo; phát triển xã hội toàn diện; và quản trị tốt. Ba trụ cột này tạo thành khung khổ của Chiến lược giảm nghèo và có mối quan hệ chặt chẽ, và tăng cường lẫn nhau. Vì vậy, muốn giảm nghèo thành công phải thực hiện những chính sách tăng cường đồng thời cả ba trụ cột này. Tầm quan trọng tương đối của mỗi trụ cột sẽ tùy thuộc vào hoàn cảnh cụ thể của mỗi quốc gia ở mỗi thời điểm cụ thể.

15. Trong khuôn khổ của ba trụ cột nói trên, việc can thiệp vào giảm nghèo có thể ngắn hạn (ví dụ như những can thiệp để duy trì những dịch vụ cơ bản đối với người nghèo); trung hạn (ví dụ như những can thiệp mục tiêu); hoặc dài hạn (ví dụ như những can thiệp để xây dựng nguồn nhân lực, thúc đẩy tăng trưởng vì người nghèo và khuyến khích mở rộng khu vực tư nhân.) Những điểm mạnh chủ yếu của ADB là cấp vốn cho những dự án đầu tư có quy mô tương đối lớn có tác động trung hoặc dài hạn và thực hiện đối thoại với các chính phủ để hỗ trợ

cho các cải cách về chính sách và thể chế, để mang lại tác động rộng khắp, gián tiếp.

A. Tăng trưởng kinh tế bền vững, vì người nghèo

16. Tăng trưởng kinh tế nhanh, trên diện rộng là yếu tố quan trọng duy nhất để duy trì giảm nghèo. Kinh nghiệm của các nền kinh tế Đông Á và Đông Nam Á nêu bật tầm quan trọng của một chính sách công năng động và vai trò chủ động của nhà nước trong việc tạo ra những điều kiện thuận lợi để tăng trưởng kinh tế nhanh.

17. **Mối quan hệ giữa tăng trưởng và giảm nghèo.** Mối quan hệ phức tạp giữa tăng trưởng kinh tế và giảm nghèo được minh họa bằng những xu thế dài hạn ở Châu Á. Kể từ thập kỷ 60 cho đến khoảng giữa thập kỷ 90, các nền kinh tế “thần kỳ” của Đông Á đã tăng trưởng nhanh hơn bất kỳ nhóm nước đang phát triển nào trên thế giới. Đến thập kỷ 90, nghèo đói hầu như đã được loại bỏ hoàn toàn ở các nền kinh tế công nghiệp hoá mới ở Đông Á, trong khi In-đô-nê-xia, Ma-lai-xia và Thái Lan cũng đạt được những bước tiến ấn tượng. Các chỉ tiêu xã hội của nhiều trong số những nước này đang dần dần hội tụ theo hướng đạt được mức bình quân của các nước công nghiệp. Trái lại, Nam Á đã trải qua tình trạng tăng trưởng trì trệ trong ba thập kỷ kể từ trước khi bắt đầu thập kỷ 80 với tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người trung bình khoảng từ 1,5 đến 2% một năm. Tốc độ giảm nghèo do vậy cũng diễn ra chậm.

18. Về bản chất, mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và nghèo đói là mối quan hệ hai chiều. Tăng trưởng kinh tế cao, bền vững làm tăng nhu cầu về lao động và tăng lương, giảm nghèo. Thu nhập cao hơn dẫn đến tăng năng suất lao động và tăng trưởng. Tăng trưởng cũng cải thiện được thu nhập của khu vực công và tạo điều kiện chi tiêu công nhiều hơn cho kết cấu hạ tầng vật chất và hạ tầng xã hội, giúp giảm nghèo cũng như nâng cao tiềm lực sản xuất của một nền kinh tế.

19. **Các chính sách cho tăng trưởng dựa vào sử dụng lao động.** Mặc dù tăng trưởng kinh tế góp phần giảm nghèo, nhưng tăng trưởng dựa vào sử dụng lao động trên diện rộng sẽ có tác động mạnh mẽ hơn. Việc kết hợp giữa quản lý kinh tế vĩ mô lành mạnh và các chính sách khuyến khích tăng trưởng dựa vào việc làm đã chứng tỏ là một biện pháp vì người nghèo tốt. Những chính sách như vậy bao gồm việc loại bỏ dần những can thiệp gây méo mó đối với thị trường. Những chính

sách khác thuộc loại này bao gồm những chính sách tạo môi trường thuận lợi cho khu vực tư nhân và những chính sách nhằm tăng cơ hội việc làm và cơ hội tăng thu nhập cho phụ nữ và các nhóm khác nằm ngoài lực lượng lao động chính quy. Tương tự như vậy, các cơ hội tự tạo việc làm cũng góp phần quan trọng vào việc giảm nghèo.

20. Tăng trưởng và sự phát triển khu vực tư nhân. Khu vực tư nhân, động lực của tăng trưởng, đóng vai trò trực tiếp trong việc giảm nghèo. Khu vực tư nhân có thể tham gia vào việc xây dựng cơ sở hạ tầng vật chất và xã hội, kể cả cung cấp các dịch vụ cơ bản sẽ mang lại lợi ích cho người nghèo. Để khu vực tư nhân có thể đóng góp một cách hữu hiệu hơn cho việc cung cấp những dịch vụ như vậy, cần phải tạo lập một môi trường thuận lợi và cần phải phát triển khu vực tài chính. Khi vai trò của khu vực tư nhân tăng lên, thì vai trò của chính phủ cần phải chuyển dịch từ vai trò người làm chủ và người sản xuất các hàng hóa và dịch vụ sang vai trò tạo điều kiện và điều tiết. Một khung khổ điều tiết hữu hiệu trở nên hết sức cần thiết để thúc đẩy cạnh tranh, đưa vào thực hiện các thông lệ và tiêu chuẩn công bằng và đảm bảo rằng các dịch vụ thiết yếu đến được với người nghèo.

21. Tăng trưởng và kết cấu hạ tầng. Việc phát triển kết cấu hạ tầng có tác động cả về kinh tế và xã hội. Nó có thể góp phần giảm nghèo một cách gián tiếp bằng cách thúc đẩy tăng trưởng và phát triển, cũng như một cách trực tiếp thông qua tạo việc làm và cải thiện khả năng tiếp cận với các hoạt động kinh tế và các dịch vụ xã hội cơ bản. Để một nền kinh tế có thể tăng trưởng được, việc mở rộng cơ sở hạ tầng và các dịch vụ liên quan nhằm nâng cao năng lực và hiệu quả là rất cần thiết. Cơ sở hạ tầng có thể tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng các cơ hội ở cấp địa phương để hoà nhập với các thị trường trong nước mà cơ sở hạ tầng có thể tạo điều kiện thuận lợi. Việc tăng trưởng theo định hướng thị trường về cơ bản mang lại lợi ích cho những vùng giàu hơn vì ở đó kết cấu hạ tầng và nguồn vốn con người đã phát triển tương đối tốt. Ở những vùng kém phát triển, các hộ gia đình nghèo hơn có thể không có khả năng tận dụng các cơ hội do tăng trưởng mang lại và do vậy đầu tư có mục tiêu của nhà nước có lẽ là cần thiết đối với những vùng này.

22. Hợp tác khu vực để củng cố tăng trưởng. Một cách quan trọng nữa để thúc đẩy tăng trưởng là qua sự hợp tác khu vực và tiểu vùng để mang lại những thị trường lớn hơn, tăng quy mô kinh tế và phân công lao động. Việc hợp tác như vậy đặc biệt hữu ích đối với những nước nhỏ ít có khả năng lựa chọn. Hợp tác có thể có hiệu quả nhất ở cấp tiểu vùng như Tiểu vùng Mê Kông mở rộng (GMS) và các

“tam giác tăng trưởng” do ADB khởi xướng trong Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á, Nam Á và các nước cộng hoà Trung Á. Để tăng cường và hỗ trợ sự hợp tác như vậy, ADB xây dựng và thực hiện các chiến lược và chương trình hợp tác khu vực (RCSPs). Một số chiến lược và chương trình hợp tác khu vực đã được xây dựng và hiện đang được thực hiện như đối với GMS và vùng Trung Á. Năm 2003, ADB đã soạn thảo RCSP đầu tiên của mình cho khu vực Thái Bình Dương.

23. **Tính bền vững về mặt môi trường.** Tính bền vững về mặt môi trường là vấn đề trọng tâm đối với tăng trưởng kinh tế vì người nghèo. Tăng trưởng sẽ không bền vững nếu không bảo vệ được môi trường và tài nguyên thiên nhiên. Mặc dù trước đây một số nhóm lợi ích có quyền lực đã gây ra nhiều tổn hại cho môi trường, nhưng áp lực của người đói và dân số cũng đe dọa môi trường do phá rừng, chăn thả quá mức và làm cạn kiệt nguồn thủy sản. Người nghèo ở nông thôn thường buộc phải sống trong những vùng đất và nước nơi mà rất cần phải quản lý nguồn lực nhạy cảm này một cách thận trọng để tránh tiếp tục xuống cấp. Người nghèo thành thị phải đương đầu với bệnh tật và tình trạng ốm đau gây ra do mật độ dân cư quá lớn và điều kiện sống bị ô nhiễm. Các chiến lược giảm nghèo cần lồng ghép các chính sách và biện pháp nâng cao chất lượng và hiệu suất của môi trường và các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

B. Phát triển xã hội toàn diện

24. Tăng trưởng kinh tế phải đi liền với các chương trình phát triển xã hội hiệu quả tạo điều kiện cho những nhóm yếu thế trong xã hội được hưởng lợi từ những cơ hội ngày càng lớn mà tăng trưởng đem lại. ADB hỗ trợ cho những nỗ lực của các nước thành viên đang phát triển bằng cách giúp những nhóm yếu thế này lập kế hoạch cho việc phát triển nguồn vốn con người và hoạch định các chính sách, thể chế và kết cấu hạ tầng cần thiết để cung cấp các dịch vụ cơ bản cho chính họ một cách hữu hiệu. Cùng thống nhất quan điểm với các mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ, ADB nhận thức được rằng mỗi người cần có khả năng tiếp cận với giáo dục cơ bản, chăm sóc sức khỏe ban đầu và các dịch vụ thiết yếu khác. Khả năng tiếp cận như vậy tạo cơ hội cho người nghèo nâng cao chất lượng cuộc sống của mình, và tham gia đầy đủ hơn vào xã hội. Một cách tiếp cận chủ động cần được thực hiện để giúp loại bỏ hoàn toàn sự phân biệt về mặt xã hội và kinh tế nhằm thúc đẩy những sáng kiến đáp ứng nhu cầu của các nhóm người trước đây bị gạt ra khỏi xã hội. Phạm vi tiếp cận và tính bền vững của phát triển xã hội được củng cố khi tất cả mọi người, đặc biệt là những người

nghèo và người bị gạt ra khỏi xã hội, có cơ hội tham gia vào việc hoạch định các chính sách và chương trình công. Việc đảm bảo rằng người nghèo có tiếng nói trong quá trình ra quyết định ở tất cả các cấp là vấn đề trọng tâm cho thành công của những nỗ lực phát triển xã hội.

25. **Nguồn vốn con người.** Nguồn vốn con người thường là tài sản duy nhất của người nghèo và việc phát triển nguồn vốn này có tầm quan trọng cơ bản trong việc giảm nghèo. Xây dựng các kỹ năng tiếp cận thị trường, bảo vệ người nghèo khỏi những nguy cơ và rủi ro về sức khỏe và xoá bỏ những thông lệ có hại như lao động trẻ em là vấn đề trọng tâm đối với phát triển nguồn vốn con người. Việc bảo đảm tính phù hợp, chất lượng và số lượng của các dịch vụ xã hội là cần thiết để tăng năng suất lao động và tăng sự tham gia của tất cả các thành viên trong xã hội.

26. **Chính sách dân số.** Mối tương quan giữa quy mô hộ gia đình và nghèo đói có mối tương quan chặt chẽ, đặc biệt là ở khu vực nông thôn. Hầu hết các nước nhận thức được nhu cầu cần giảm tăng dân số bằng cách dành ưu tiên cao nhất cho (i) đảm bảo giáo dục phổ cập đối với trẻ gái, (ii) cung cấp các dịch vụ y tế sinh sản có khả năng tiếp cận được và (iii) tăng cường cơ hội kinh tế đối với phụ nữ.

27. **Giới và phát triển.** Trong nhiều xã hội, phụ nữ phải chịu một cách quá mức gánh nặng nghèo đói và bị gạt ra một cách có hệ thống ngoài các tiếp cận với tài sản và dịch vụ thiết yếu. Việc nâng cao địa vị của phụ nữ giải quyết được một khía cạnh chủ yếu của nghèo đói, mang lại những lợi ích kinh tế - xã hội quan trọng qua việc giảm bớt các chi phí y tế, phúc lợi xã hội và hạ thấp hơn tỷ lệ sinh và tỷ lệ tử vong ở bà mẹ và trẻ sơ sinh. Mang lại tiếng nói cho phụ nữ và thúc đẩy sự tham gia đầy đủ của họ có thể góp phần quan trọng vào sự phát triển chung của xã hội.

28. **Nguồn vốn xã hội.** Nếu nghèo, thì kết cấu xã hội thường là yếu và các cộng đồng phải đương đầu với xung đột, sự cách biệt khỏi xã hội. Trong những trường hợp như vậy, cần có các chính sách mạnh mẽ và mang tính chủ động để thay đổi những quan niệm về sự thấp kém xã hội và tâm lý, để thúc đẩy được ý thức trao quyền và tạo ra những thể chế có sự tham gia của người dân. Có thể gây dựng nguồn vốn xã hội và thúc đẩy một xã hội cho mọi tầng lớp trong xã hội thông qua những luật định chống sự phân biệt đối xử, luật về cải cách ruộng đất, thừa nhận hợp pháp các nhóm sử dụng và các hệ thống tư pháp có khả năng tiếp cận được. Có thể cần phải có các biện pháp cụ thể để

cung cấp các dịch vụ xã hội phù hợp và tạo khả năng tiếp cận công bằng với các cơ hội kinh tế cho các dân tộc ít người.

29. **Bảo trợ xã hội.** Mọi xã hội đều có những người dễ bị tổn thương do tuổi tác, bệnh tật, tình trạng tàn tật, thiên tai, khủng hoảng kinh tế hoặc xung đột bên trong. Bảo trợ xã hội bao gồm một nhóm các chương trình được thiết kế để hỗ trợ các cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng nhằm quản lý rủi ro tốt hơn và đảm bảo an toàn về mặt kinh tế. Những chương trình như vậy bao gồm các quỹ hưu trí cho người già, bảo hiểm thất nghiệp và thương tật và mạng lưới an sinh xã hội. Bảo trợ xã hội cũng bao gồm các chính sách nâng cao tính cơ động của lao động và thực thi các tiêu chuẩn lao động. Việc thực hiện hiệu quả các chiến lược và chương trình công quản lý rủi ro và tình trạng dễ bị tổn thương có thể đưa người nghèo và những người bị gạt ra khỏi xã hội tham gia vào tăng trưởng và phát triển kinh tế.

C. Quản trị tốt

30. **Cải cách khu vực công.** Quản trị tốt đóng vai trò hết sức quan trọng đối với giảm nghèo vì quản trị yếu gây tổn thương rất lớn cho người nghèo. Tính kém hiệu quả, tham nhũng và lãng phí ở khu vực công sẽ làm thiếu hụt các nguồn lực cho các dịch vụ công cơ bản và cho các chương trình chống nghèo đói. Quản trị tốt sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các chính sách vì người nghèo có sự tham gia đồng thời việc quản lý kinh tế vĩ mô tốt khuyến khích tăng trưởng kinh tế và duy trì ổn định giá cả. Việc quản lý nguồn thu tốt hơn và chi tiêu trên cơ sở xác định các ưu tiên và thực hiện chi tiêu một cách thận trọng, đặc biệt là cho các dịch vụ cơ bản là những vấn đề thiết yếu. Trong việc cung cấp dịch vụ công, các vấn đề thiếu trách nhiệm giải trình, sự chi phối của các nhóm có thế lực ở địa phương, tình trạng tham nhũng tràn lan, các loại hình bất bình đẳng có tính lịch sử và việc thiếu sự tham gia của người nghèo cũng phải được giải quyết để nâng cao mức sống của người nghèo.

31. **Quản trị công ty.** Quản trị tốt cũng là cần thiết ở khu vực tư nhân để bảo vệ những người gửi tiền, các nhà đầu tư và người tiêu dùng; để tăng cường cạnh tranh; nâng cao hiệu quả; và mở rộng các nguồn tài chính cho mọi đối tượng. Như cuộc khủng hoảng kinh tế và tài chính châu Á vào năm 1997 đã cho thấy rõ, quản trị tốt cũng là vấn đề thiết yếu để tránh hoặc giảm bớt mức độ nghiêm trọng của các cú sốc kinh tế trong một kỷ nguyên tự do hóa và toàn cầu hóa ngày càng tăng.

32. **Đưa quản trị tốt trở thành xu thế chủ đạo.** ADB đã đưa việc quản trị tốt vào các hoạt động của mình. Ngân hàng phấn đấu chuyển giao việc cung cấp các dịch vụ công cho cấp phù hợp thấp nhất. ADB hỗ trợ chính phủ các nước thành viên đang phát triển hoạt động một cách minh bạch và có trách nhiệm giải trình, duy trì các quyền cơ bản, cung cấp an toàn công và thúc đẩy thực thi pháp luật và nhấn mạnh tầm quan trọng của cải cách pháp lý. Quá trình có sự tham gia bao gồm xã hội dân sự và người nghèo trong việc thúc đẩy và duy trì một chính phủ có trách nhiệm, đáp ứng yêu cầu của người dân được nhấn mạnh.

33. **Quan hệ đối tác với xã hội dân sự.** Xã hội dân sự có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy quản trị tốt. Rất nhiều các tổ chức phi chính phủ (NGOs) trong nước và quốc tế tham gia vào công tác phát triển hoặc vào việc tăng quyền pháp lý của người nghèo. Việc thành lập Trung tâm NGO vào năm 2001 đã tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho ADB phối hợp và cộng tác với các tổ chức này. Các tổ chức phi chính phủ cũng đã tham gia sát sao vào việc soạn thảo các chính sách của ADB, đặc biệt là trong lĩnh vực nước, năng lượng, môi trường và bảo trợ xã hội. ADB sẽ tiếp tục hợp tác với các tổ chức phi chính phủ để áp dụng những kinh nghiệm và quan điểm cũng như mạng lưới cơ sở của họ.

III. Chiến lược

34. Các phần dưới đây miêu tả cách thức làm thế nào đưa ba trụ cột vào một chiến lược toàn diện để định hướng cho cải cách chính sách, các dự án đầu tư và xây dựng năng lực ở mỗi nước.

A. Trọng tâm hơn vào quốc gia

35. Việc đặt trọng tâm vào từng quốc gia là một thành phần thiết yếu của Chiến lược giảm nghèo và đòi hỏi nâng cao chất lượng của việc phân tích nghèo đói và các nghiên cứu phân tích khác; tăng cường mối quan hệ đối tác xung quanh các chiến lược giảm nghèo quốc gia (NPRS); và xây dựng các chiến lược và chương trình quốc gia có chất lượng cao theo định hướng dựa vào kết quả.

1. Phân tích nghèo có trọng tâm quốc gia

36. Phân tích này bắt đầu bằng việc xem xét toàn diện những hạn chế và cơ hội đối với giảm nghèo ở từng nước trong đó đánh giá bản chất, mức độ và phạm vi nghèo; các nguyên nhân của nó; các tác động của các chính sách công; trọng tâm và hiệu quả của chi tiêu công; và tính hữu hiệu của các chương trình và thể chế của chính phủ. ADB sẽ thu hút sự tham gia của các bên liên quan vào phân tích này và sẽ tận dụng những số liệu có được từ các chính phủ và cộng đồng tài trợ. ADB cũng sẽ rà soát các chỉ tiêu giảm nghèo dựa theo các mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ và các chiến lược ngành. Ngoài ra, phân tích nghèo sẽ trình bày về mối quan hệ giữa mức nghèo đói và những can thiệp về ngành và chủ đề. Bất kỳ khi nào có thể, ADB đều sử dụng rộng rãi các đánh giá về nghèo đói của các đối tác phát triển khác.

37. ADB nhận thức rằng các hoạt động đang diễn ra trong vùng và ở nhiều nước đi vay có những chiến lược và hệ thống giám sát giảm nghèo được xây dựng tốt, trong một số trường hợp được xây dựng với sự hỗ trợ của ADB. ADB cũng sẽ hỗ trợ thu thập và quản lý số liệu, nghiên cứu và đánh giá nghèo đói với chất lượng tốt hơn. Học viện Ngân hàng Phát triển Châu Á sẽ hỗ trợ việc xây dựng các chiến lược dài hạn về phát triển kinh tế xã hội và giảm nghèo. Những đánh giá

nghèo sẽ xem xét và nhận xét về các chiến lược quốc gia, đưa ra những khuyến nghị về các chính sách cần thực hiện.

2. Xây dựng quan hệ đối tác xung quanh các chiến lược giảm nghèo quốc gia

38. Triển vọng giảm nghèo là lớn nhất nếu các nước thành viên đang phát triển (DMC) chủ trì việc xây dựng Chiến lược giảm nghèo quốc gia (NPRS) và cam kết thực hiện đầy đủ chiến lược đó. ADB cần tăng cường liên kết hoạt động của mình với NPRS bằng cách huy động đầy đủ tất cả các bên liên quan, tăng cường các mối quan hệ đối tác và nâng cao chất lượng Chiến lược và chương trình quốc gia của mình. Các cơ quan đại diện thường trú của ADB sẽ đóng vai trò chủ đạo trong những nỗ lực này.

39. Phát triển quan hệ đối tác là vấn đề thiết yếu để giảm nghèo và đạt được mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ; chính phủ các DMC phải đóng vai trò chủ đạo trong vấn đề này. ADB cộng tác với các cơ quan của Liên hợp quốc (LHQ) và các ngân hàng đa phương để đánh giá nghèo đói, để hiểu được các cách tiếp cận khác nhau để giảm nghèo và để hỗ trợ cho việc xây dựng và thực hiện NPRS. Những mối quan hệ đối tác như vậy cũng sẽ cho phép ADB huy động các nguồn lực bổ sung để nâng cao mức độ can thiệp và tiếp cận với nguồn vốn không hoàn lại nhằm thử nghiệm các sáng kiến giảm nghèo. Các tổ chức phi chính phủ cũng đã tham gia tích cực vào việc xây dựng khung khổ quan hệ hợp tác ADB-NGO trong giai đoạn 2003-2005.

40. Sự hợp tác chặt chẽ và những nỗ lực hài hoà hoá thủ tục giữa các đối tác phát triển có thể làm giảm chi phí giao dịch và do vậy làm tăng hiệu lực phát triển. ADB sẽ tăng cường cộng tác với Quỹ Tiền tệ quốc tế và Ngân hàng Thế giới, các cơ quan của LHQ và các tổ chức phát triển song phương để đưa chiến lược quốc gia, thực hiện chương trình, công tác phân tích, đồng tài trợ, các cách tiếp cận hỗ trợ theo phạm vi ngành (SWAps), vận động chính sách, đánh giá và giám sát các kết quả vào mối quan hệ với các mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ và các chỉ báo giảm nghèo khác. Thông qua các cơ quan đại diện thường trú, ADB sẽ tăng cường hợp tác với các nhà tài trợ và sẽ hành động cùng với các bên liên quan, xã hội dân sự để theo dõi những tiến bộ trong giảm nghèo.

3. Các chiến lược quốc gia và lập chương trình định hướng theo kết quả

41. Kể từ năm 2000, hầu hết các nước thành viên đang phát triển đã xây dựng hoặc đưa các chiến lược giảm nghèo quốc gia vào các kế hoạch phát triển quốc gia của mình. Nếu được yêu cầu, ADB sẽ hỗ trợ tăng cường năng lực để xây dựng và cập nhật các chiến lược đó và sẽ tham gia vào các cuộc thảo luận do các chính phủ – những bên liên quan (bên tham gia) chủ chốt – tổ chức và chủ trì để thảo luận về các chiến lược đó.² Tiếp đó CSP sẽ chuyển nội dung và các ưu tiên của NPRS thành các hoạt động cụ thể và một chương trình cho vay và hỗ trợ.

42. Chiến lược và chương trình quốc gia (CSP) nhìn chung được xây dựng cứ 3–5 năm một lần nhưng được cập nhật thường xuyên. Các mục tiêu phát triển trong Chiến lược giảm nghèo quốc gia (NPRS) sẽ được đánh giá trong giai đoạn soạn thảo CSP để đảm bảo rằng vai trò và các mục tiêu của ADB là rõ ràng, ADB có một chiến lược và chương trình đáng tin cậy để đạt được các mục tiêu đó và có các chỉ tiêu theo khung thời gian. CSP cần được soạn thảo trong quan hệ đối tác chặt chẽ với các đối tác phát triển và các bên liên quan, thể hiện rằng nó hoà toàn thuộc quyền sở hữu của các nước thành viên đang phát triển.

43. CSP sẽ xác định ra ngành, tiểu ngành và loại dự án dựa theo bối cảnh nghèo cụ thể của mỗi nước, theo các chiến lược và ưu tiên quốc gia đối với giảm nghèo và theo kinh nghiệm về các cách thức tốt để tăng cường giảm nghèo. CSP cũng sẽ xác định cụ thể xem liệu các hoạt động của ADB sẽ trực tiếp hay gián tiếp hỗ trợ người nghèo. Lựa chọn đó sẽ được đưa ra trên cơ sở kiến thức và kinh nghiệm sâu sắc về quốc gia đó.

44. Tất cả các CSP mới sẽ có một khung kết quả bao gồm phần theo dõi và gắn những hạn chế trong giảm nghèo, những hạn chế đã được xác định trong các đánh giá về nghèo đói, với chương trình được đề xuất, các kết quả đầu ra mong muốn và các kết quả mong đợi. Tăng cường việc đảm bảo chất lượng của các đánh giá quốc gia – đánh giá về nghèo đói, về ngành, đánh giá theo chủ đề và đánh giá kết quả hỗ

² Vào năm 1999 khi PRS được thông qua, ADB đã ký kết các thoả thuận quan hệ đối tác nghèo đói (PPAs) với chính phủ các DMC nhằm đưa ra tín hiệu về cam kết của ADB đối với việc thực hiện các mục tiêu giảm nghèo của quốc gia. Cho đến nay, đã có 24 PPA được ký kết. NPRS đã thay thế cho các PPA. Do vậy, ADB sẽ không còn ký kết các PPA khi một DMC thông qua NPRS của mình. Ở những nước tại đó PPA đã được ký kết, các mục tiêu và các chỉ tiêu trung hạn nêu trong NPRS sẽ định hướng cho việc lập kế hoạch trong tương lai.

trợ quốc gia trước đây của ADB — sẽ giúp cải thiện tính nhất quán và chặt chẽ của CSP.

45. Những kết quả của CSP được lượng hoá bằng những chỉ số đối với từng trụ cột, ngành và chủ đề ưu tiên tương ứng. CSP sẽ cho thấy làm thế nào đạt được những kết quả mong muốn bằng cách gắn kết từng khoản vay, hỗ trợ kỹ thuật, hoặc sản phẩm tri thức với một hoặc nhiều chỉ báo kết quả trung hạn của quốc gia. Để bổ sung cho khung kết quả, mối liên kết giữa các kết quả đầu ra của dự án với các kết quả của ngành sẽ được nhấn mạnh trong các lộ trình ngành. Đối chiếu những tổng hợp kết quả ngành này trong CSP sẽ cho thấy mức đóng góp chung của chương trình quốc gia cho những kết quả cuối cùng của các trụ cột chiến lược và những chủ đề ưu tiên (Hình 1).

B. Các chủ đề ưu tiên

46. Năm chủ đề bổ sung cho ba trụ cột nói trên là các thành tố thiết yếu của PRS. Đó là: bình đẳng giới, tính bền vững về mặt môi trường, sự phát triển của khu vực tư nhân, hợp tác khu vực và xây dựng năng lực.

47. **Bình đẳng giới.** Hai phần ba số người nghèo trong khu vực là phụ nữ, vì vậy nâng cao địa vị của phụ nữ là vấn đề trọng tâm đối với bất kỳ chiến lược giảm nghèo nào trong khu vực. ADB cân nhắc các vấn đề giới và phát triển trong các hoạt động kinh tế và ngành, các khoản vay, hỗ trợ kỹ thuật và các hoạt động khác của mình. ADB soạn thảo các báo cáo tóm tắt về giới theo quốc gia, ADB cộng tác với xã hội dân sự và các đối tác phát triển để tìm hiểu về vị thế của phụ nữ ở các nước thành viên đang phát triển của mình. Các phân tích về giới của ADB cung cấp tư liệu đầu vào trực tiếp cho các CSP và các thiết kế dự án và hỗ trợ cho đối thoại chính sách để lồng ghép một cách hữu hiệu hơn các cân nhắc về giới vào các hoạt động và vào việc cải cách chính sách công rộng lớn hơn. ADB khuyến khích có các biện pháp lồng ghép vấn đề giới trong các dự án phù hợp. Các dự án riêng rẽ hoặc các hợp phần dự án chuyên về các vấn đề giới cũng được thiết kế và thực hiện. Những can thiệp như vậy vẫn cần tiếp tục chùng ngừa những hạn chế và rào cản về cơ cấu còn cản trở sự phát triển của phụ nữ. Điều này đặc biệt đúng trong khi một số truyền thống văn hoá vẫn có sự phân biệt đối xử theo giới tính hoặc trong những trường hợp phụ nữ cần được sự trợ giúp đặc biệt để có khả năng tham gia đầy đủ vào các hoạt động kinh tế và xã hội.

48. **Tính bền vững về mặt môi trường.** Tính bền vững về mặt môi trường có vai trò quyết định và có mối quan hệ mật thiết đối với giảm nghèo trong các chiến lược phát triển thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; cung cấp các dịch vụ thiết yếu, bao gồm nước sạch và vệ sinh; tăng năng suất lao động nông nghiệp; và nâng cao chất lượng cuộc sống nói chung của người nghèo. Để phát triển xã hội toàn diện, cần hiểu rõ hơn những tác động đến môi trường của các chính sách giảm nghèo và những tác động của các chính sách môi trường đối với người nghèo. Môi trường và các nguồn tài nguyên thiên nhiên trong khu vực đang chịu áp lực lớn. Nhận thức được điều này, ADB đã thực hiện một chính sách môi trường gồm (i) các can thiệp về môi trường; (ii) đưa các vấn đề môi trường vào các dự án có mục tiêu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; (iii) duy trì các hệ thống hỗ trợ cuộc sống toàn cầu và khu vực; (iv) thúc đẩy mối quan hệ đối tác hiệu quả; và (v) lồng ghép các vấn đề môi trường vào các hoạt động của ADB. ADB hỗ trợ hoạt động chống lại

tình trạng xuống cấp về môi trường bằng cách hỗ trợ tư vấn, các can thiệp ở phạm vi vùng và bằng các dự án. Bên cạnh các can thiệp riêng lẻ với các mục tiêu cụ thể về môi trường, nhiều vấn đề môi trường quan trọng cũng được giải quyết thông qua các dự án với các mục tiêu phát triển khác. Các đánh giá môi trường được phổ biến và thảo luận rộng rãi và các biện pháp bảo vệ môi trường thích hợp được thực hiện để đảm bảo rằng các dự án của ADB tuân thủ các tiêu chuẩn cao nhất về phát triển bền vững.

49. **Phát triển khu vực tư nhân.** Một khu vực tư nhân phát triển mạnh và năng động có vai trò hết sức quan trọng để tăng trưởng kinh tế nhanh, lâu dài và điều này cũng là cần thiết để giảm nghèo. ADB giúp các nước thành viên đang phát triển tạo ra một môi trường thuận lợi để khu vực tư nhân tham gia vào phát triển và tạo các cơ hội kinh doanh thông qua các hoạt động của khu vực công. Đóng góp của khu vực tư nhân trong việc giảm nghèo được tăng cường thông qua việc phát triển các doanh nghiệp, mở rộng kết cấu hạ tầng và các dịch vụ công khác và nâng cao chất lượng và điều kiện việc làm bằng cách nâng cao công tác quản trị và trách nhiệm công ty. Doanh nhân được tạo điều kiện cung cấp kết cấu hạ tầng và các dịch vụ công và các dự án nhằm vào đối tượng người nghèo. Cải cách về quy định được thực hiện trước khi có những cách tiếp cận cụ thể theo ngành như tư nhân hoá, thầu khoán và quan hệ đối tác giữa khu vực tư nhân và khu vực nhà nước. Trong khuôn khổ CSP, các hoạt động khu vực tư nhân phi bảo lãnh của ADB mong muốn có được tác động phát triển bằng cách áp dụng những hướng tiếp cận mới và loại bỏ các trở ngại đối với đầu tư.

50. **Hợp tác khu vực.** Phát triển kinh tế tăng lên khi các nước thành viên đang phát triển (DMC) tích cực theo đuổi hợp tác vùng và tiểu vùng. Hợp tác khu vực cũng có thể khuyến khích phát triển khu vực tư nhân, thúc đẩy hòa bình và ổn định và mang lại những cơ hội kinh tế lớn hơn cho những người dân sống gần biên giới - những người thường nằm trong số những người nghèo nhất ở nhiều nước. Hợp tác có vai trò quan trọng trong việc cung cấp những hàng hóa công nhằm giải quyết những hạn chế cũng như tận dụng các cơ hội chung như ngăn ngừa các bệnh truyền nhiễm và tình trạng xuống cấp về môi trường. Phát huy những thành tích đáng kể đã có của mình, ADB sẽ tiếp tục dành ưu tiên cao cho hợp tác khu vực như một phương tiện để các DMC loại bỏ những trở ngại về vật chất và thể chế đối với thương mại và đầu tư, từ đó giảm bớt chi phí giao dịch và tăng sức hấp dẫn đối với các nhà đầu tư tiềm năng. Hợp tác khu vực có thể giúp các DMC đạt được tính kinh tế tăng theo quy mô lớn hơn; đa dạng hoá cơ cấu

sản xuất trong nước và xuất khẩu; hài hoà hoá các tiêu chuẩn; chia sẻ công nghệ; và cùng xây dựng các điều kiện vật chất cần thiết cho việc cung cấp các dịch vụ công thiết yếu như y tế, giáo dục, vệ sinh, điện và bảo trợ xã hội. Hợp tác khu vực cũng có thể thúc đẩy tính bền vững về môi trường của khu vực, tạo điều kiện chống tội phạm toàn cầu như rửa tiền và buôn bán phụ nữ và trẻ em và nâng cao khả năng thương lượng toàn cầu của từng quốc gia riêng lẻ. Hợp tác khu vực cũng hữu ích cho việc chia sẻ tri thức dưới mọi hình thức.

51. Tăng cường năng lực: Một điểm nhấn mới của Chiến lược giảm nghèo. Để đạt được tăng trưởng toàn diện, cần tăng cường năng lực hoạch định và thực hiện các chính sách, cải cách và đầu tư của nước thành viên đang phát triển (DMC). Tầm quan trọng của tăng cường năng lực cũng được nhấn mạnh qua việc chú trọng ngày càng nhiều đến vai trò của Chiến lược giảm nghèo quốc gia trong công tác quản lý giảm nghèo ở mỗi nước. Điều này đòi hỏi phải có sự hỗ trợ mang tính chiến lược để liên tục phát triển tri thức và kỹ năng của các xã hội, tổ chức và cá nhân — kể cả người nghèo — ở các nước thành viên đang phát triển. ADB từ lâu đã nhận thức được tầm quan trọng của việc tăng cường năng lực và đã tiến hành hỗ trợ rộng rãi cho hoạt động này. ADB sẽ nhằm vào việc tiến hành hỗ trợ có tính chiến lược để nâng cao năng lực của các nước thành viên đang phát triển về hoạch định và thực hiện các chính sách, cải cách và đầu tư cần thiết cho giảm nghèo. ADB sẽ tiếp tục hỗ trợ tăng cường năng lực bằng cách tạo ra và chia sẻ các sản phẩm tri thức mới; đánh giá các hạn chế; cung cấp các dịch vụ tư vấn theo nhu cầu; và hỗ trợ đầu tư với mục tiêu xây dựng các thể chế và tổ chức có thể tự chịu trách nhiệm, hoạt động hiệu quả của mình và đáp ứng được các nhu cầu của người nghèo.

IV. Thực hiện chiến lược

52. Việc thực hiện Chiến lược giảm nghèo (PRS) đã và sẽ tiếp tục được dành ưu tiên cao nhất; ADB cam kết giảm nghèo và sẽ vận dụng tầm quan trọng và ảnh hưởng của mình để đạt được mục tiêu này. Chương này nêu ra những biện pháp và hoạt động quan trọng sẽ được thực hiện.

A. Quản lý các kết quả phát triển

53. Việc quản lý và các hoạt động của ADB sẽ trở nên ngày càng được định hướng theo kết quả nhằm cải thiện rõ rệt tác động phát triển của các hoạt động. Một loạt các cải cách quản lý khác nhau làm tăng tính cởi mở, tính trách nhiệm và khả năng đáp ứng. Những cải cách này bao gồm (i) thành lập một bộ phận quản lý các kết quả phát triển (MfDR); (ii) xây dựng các quy trình/thủ tục mang tính chiến lược cho bộ phận MfDR này; (iii) lồng ghép MfDR trong ADB; (iv) cải thiện các hệ thống và quy trình quản lý nguồn nhân lực và thực hiện một chiến lược nguồn nhân lực mới; (v) gắn kết các chính sách, chiến lược và cách tiếp cận hoạt động với chương trình nghị sự chiến lược chủ chốt của ADB kể cả PRS được nâng cao và khung chiến lược dài hạn; và (vi) cải tiến các cách tiếp cận của ADB đối với hỗ trợ xây dựng năng lực ở các nước thành viên đang phát triển. Phù hợp với khuôn khổ MfDR chung, một hệ thống theo dõi và đánh giá (M&E) toàn diện, định hướng dựa theo kết quả sẽ được thiết lập ở cấp dự án, ngành và cấp chủ đề, quốc gia và các cấp thể chế.

54. **M&E ở cấp dự án.** Việc tăng cường quản lý kết quả hoạt động của dự án sẽ đảm bảo rằng những đóng góp vào các kết quả, các trụ cột và sáng kiến theo chủ đề nêu trong các Chiến lược và chương trình quốc gia (CSP) được xây dựng rõ ràng. Một khung lô gíc cho từng dự án sẽ tiếp tục nêu chi tiết đóng góp của nó cho các kết quả theo ngành. Các nhóm cán bộ dự án sẽ đảm bảo chất lượng của thiết kế dự án và thực hiện hiệu quả dự án và tự đánh giá các dự án khi kết thúc. Các đánh giá độc lập hậu dự án do Vụ Đánh giá hoạt động của Ngân hàng cũng có thể được thực hiện.

55. **M&E ở cấp ngành và chủ đề.** ADB sẽ giám sát, đánh giá và báo cáo về tiến độ thực hiện Chiến lược giảm nghèo (PRS) trong các hoạt động của ngành và các ưu tiên theo chủ đề. Các báo cáo hàng năm sẽ được soạn thảo với tư liệu đầu vào của các vụ khu vực, các mạng lưới ngành và chủ đề, cũng như hệ thống quản lý kết quả hoạt động của dự án. Hệ thống quản lý kết quả này tóm tắt các hoạt động trong các ngành và chủ đề trong năm đó và phác thảo các kế hoạch cho năm tiếp theo. Những bản báo cáo này sẽ đánh giá thành công trong việc thực hiện các chính sách hoặc chiến lược ngành và chủ đề, trong việc nâng cao chất lượng chuyên môn, trong việc gắn kết và thực hiện các dự án với PRS, trong việc lồng ghép chủ đề và trong việc đóng góp vào quản lý tri thức. Vụ Phát triển vùng và phát triển bền vững (RSDD) sẽ chịu trách nhiệm về các báo cáo ngành/lĩnh vực và chủ đề.

56. **M&E ở cấp quốc gia.** Theo khung khổ MfDR trong toàn ADB, tất cả các CSP mới sẽ bao gồm một khung kết quả (kể cả một khuôn khổ theo dõi) gắn các hạn chế đối với giảm nghèo được xác định trong Chiến lược giảm nghèo quốc gia (NPRS) với các đề xuất chương trình, các kết quả đầu ra và các kết quả cuối cùng. Các kết quả cuối cùng của quốc gia sẽ được theo dõi theo ba trụ cột và các ưu tiên theo chủ đề và sẽ là tập hợp tất cả các can thiệp của ADB – bao gồm cả các khoản cho vay và hỗ trợ không hoàn lại – nước đó. Các cán bộ của quốc gia sẽ chịu trách nhiệm theo dõi PRS ở cấp quốc gia. Các bản cập nhật CSP hàng năm sẽ theo dõi tiến độ thực hiện các kết quả đầu ra và kết quả cuối cùng.

57. **M&E ở cấp thể chế.** Tác động của Chiến lược giảm nghèo (PRS) đối với giảm nghèo ở cấp khu vực sẽ được theo dõi qua việc thực hiện các mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ (MDG) từ 1 đến 7 (11 chỉ tiêu and 31 chỉ số). Mặc dù được thừa nhận rằng các kết quả thu được không thể chỉ nhờ những nỗ lực của riêng ADB nhưng dù sao việc theo dõi các xu thế cũng là quan trọng để đảm bảo rằng những nỗ lực đó được gắn kết hữu hiệu với các chỉ tiêu MDG. Những kết quả mong đợi từ việc thực hiện PRS là tăng hiệu quả kết quả của Chiến lược và chương trình quốc gia (CSP) và của các dự án, của các chính sách và tăng năng lực thể chế của các DMC đối với giảm nghèo cũng như cải thiện năng lực giảm nghèo của ADB. Các sản phẩm đầu ra của việc thực hiện PRS sẽ được đánh giá theo các khía cạnh sau: (a) nâng cao chất lượng của các CSP; (b) nâng cao chất lượng của các dự án (tăng cường sự liên kết giữa các hoạt động của ADB với các thành tố chủ yếu của PRS); (c) thực hiện dự án hiệu quả; (d) tăng cường sự đóng góp của tri thức vào giảm nghèo; và (e) củng cố mỗi

quan hệ đối tác nhằm đạt được các MDG. Vụ phát triển vùng và phát triển bền vững (RSDD) sẽ chịu trách nhiệm chung về việc giám sát các định chế với sự trợ giúp của Vụ Chiến lược và chính sách. Một báo cáo hàng năm sẽ được soạn thảo ở cấp thể chế, đánh giá tóm tắt những kinh nghiệm trước đây về việc thực hiện PRS.

58. Phân loại dự án để theo dõi đầu vào. Trong khi người nghèo bị “mắc kẹt” trong những hoàn cảnh địa lý, văn hoá hoặc xã hội thì cần có những can thiệp có mục tiêu để đảm bảo đem lại những cơ hội bình đẳng cho các hộ nghèo vượt qua những bất lợi đó và tham gia vào sự phát triển chủ đạo. Mặc dù sẽ không đề ra các chỉ tiêu ở dạng con số (chỉ tiêu định lượng) nhưng các dự án sẽ được phân loại theo các can thiệp có mục tiêu nếu chúng tập trung vào các hộ gia đình, vào các vùng địa lý cụ thể, hoặc vào các ngành/tiểu ngành hỗ trợ trực tiếp cho việc đạt được các mục tiêu MDG có liên quan đến nghèo đói phi thu nhập.

B. Thúc đẩy học hỏi và hình thành các công cụ mới

59. Sử dụng tri thức — ở quy mô toàn cầu, khu vực và địa phương — trong chiến dịch giảm nghèo là điều thiết yếu để thực hiện thành công Chiến lược giảm nghèo (PRS). Việc phổ biến một cách hữu hiệu sẽ đảm bảo rằng những bài học rút ra từ những hoạt động hiện tại được sử dụng một cách hữu hiệu trong việc lập kế hoạch cho các hoạt động trong tương lai và trong việc hỗ trợ các nước thành viên đang phát triển (DMC) xây dựng các chiến lược, kế hoạch và chương trình chống đói nghèo.

60. Trong một vài tình huống, có thể cần có các công cụ mới hoặc các cách thức sử dụng mới đối với các công cụ hiện có. Việc thử nghiệm những cách tiếp cận mới đối với giảm nghèo đã bắt đầu diễn ra ở một số DMC. Cho chính phủ địa phương vay để xây dựng năng lực giảm nghèo đã đạt được đà phát triển sau khi PRS 1999 được áp dụng, nhất là ở các nước lớn hơn. Những công cụ đa dạng hiện đang được sử dụng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp hơn và phạm vi sử dụng được mở rộng hơn. Chúng bao gồm: (i) SWAps trong các chương trình quốc gia để thiết lập quan hệ đối tác với các cơ quan khác một cách hiệu quả hơn nhằm đạt được các mục tiêu ngành; (ii) các khoản vay chính sách đối với Chiến lược giảm nghèo quốc gia (NPRS) nhằm hỗ trợ dài hạn thực thi NPRS; (iii) một khoản vay chương trình linh hoạt hơn trong việc thực hiện các cải cách chính sách và phát triển thể chế;

(iv) sử dụng nhiều hơn các khoản vay thí điểm nhằm thử nghiệm các cách tiếp cận giảm nghèo sáng tạo; (v) thúc đẩy vốn đầu tư xã hội; và (vi) hỗ trợ các NGO đã có những thành tích được kiểm chứng trong làm việc với người nghèo. Một phần viện trợ không hoàn lại cũng đã được đưa vào Quỹ Phát triển Châu Á IX.

C. Xây dựng năng lực của ADB để thực hiện Chiến lược củng cố

61. **Năng lực tài chính.** Năng lực thực hiện Chiến lược giảm nghèo (PRS) của ADB phụ thuộc vào khả năng sẵn có của các nguồn tài chính, đặc biệt là các nguồn ưu đãi. Nhu cầu cấp thiết đặt ra là các nhà tài trợ cần cam kết các nguồn lực trong khuôn khổ trung hạn để nâng cao khả năng tiên liệu và tính bền vững của hỗ trợ tài chính, nhất là khi các nước thành viên đang phát triển (DMC) bước vào thực hiện các chiến lược và chương trình giảm nghèo trung hạn. Công tác phân tích có chất lượng cao và sự hỗ trợ lâu bền đối với xây dựng năng lực phụ thuộc rất lớn vào các khoản viện trợ không hoàn lại thoả đáng và được sử dụng một cách hữu hiệu. Tương tự như vậy, việc hỗ trợ các nước có nguy cơ không đạt được các MDG và các nước không có khả năng tiếp tục vay nước ngoài thêm nữa sẽ đòi hỏi phải sử dụng tới các nguồn của Quỹ Phát triển Châu Á. Để phù hợp với khuôn khổ cho những nước có thu nhập trung bình, ADB đang đơn giản hoá và cải thiện các điều kiện cho vay của vốn vay thông thường nhằm tăng cường trọng tâm giảm nghèo của các hoạt động của mình.

62. ADB sẽ mở rộng phạm vi các công cụ và thể thức tài chính sẵn có để công tác hỗ trợ có thể đáp ứng tốt hơn các nhu cầu phức tạp về giảm nghèo. ADB sẽ hướng vào cung cấp viện trợ không hoàn lại một cách chọn lọc nhằm hỗ trợ những nước nghèo nhất; ADB sẽ hỗ trợ việc thực hiện MDG ở các nước thu nhập trung bình; và ADB sẽ tìm hiểu những cách mới để tăng nguồn lực cho hợp tác khu vực.

63. Một quan hệ đối tác phát triển mang tính toàn cầu hiệu quả là điều kiện thiết yếu để bất kỳ chiến lược giảm nghèo nào có thể thành công. Quá trình hỗ trợ quốc tế diễn ra chậm chạp trong giảm nghèo và trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ (MDG) cho thấy một rủi ro nghiêm trọng trong việc thực hiện PRS. ADB sẽ hỗ trợ các nỗ lực quốc tế để giúp đạt được MDG 8 trước thời hạn.

64. **Năng lực tổ chức.** ADB sẽ tiếp tục tăng cường năng lực tổ chức của mình để đạt được mục tiêu giảm nghèo hiệu quả ở các nước

thành viên đang phát triển của mình. Trách nhiệm thực hiện PRS chủ yếu thuộc về các vụ chức năng với sự hỗ trợ của RSDD; chức năng của cả các vụ này và cả RSDD sẽ được tăng cường cho mục đích này. Năng lực tổ chức của ADB đang được tăng cường theo chiến lược mới về phát triển nguồn nhân lực. Việc phân công công việc một cách cân đối hơn và gắn chặt hơn các biện pháp khuyến khích cán bộ với mục tiêu giảm nghèo sẽ được thực hiện, nhất là nhằm soạn thảo các phân tích quốc gia và các CSP có chất lượng, nhằm nâng cao kết quả thực hiện dự án, nhằm thúc đẩy quan hệ đối tác và nhằm chia sẻ kiến thức và sự đổi mới trong giảm nghèo.

65. Để thực hiện hiệu quả một chiến lược hoạt động, PRS cần được hiểu rõ trong toàn bộ tổ chức. ADB sẽ tiếp tục xây dựng cơ sở kiến thức cần có thông qua các chương trình đào tạo kỹ năng và tư vấn có trọng tâm rõ ràng. ADB sẽ tiến hành đào tạo về các phương pháp luận và chuyên môn giảm nghèo cho tất cả cán bộ chức năng và cán bộ mới, kể cả các vụ trưởng và các cán bộ quản lý.

66. Để tăng cường trọng tâm quốc gia của mình, ADB sẽ nâng cao năng lực giám sát và báo cáo về nghèo đói của các cơ quan đại diện thường trú và hỗ trợ việc lồng ghép nghèo đói vào các hoạt động của ADB. Việc thứ hai này sẽ đòi hỏi các cơ quan đại diện thường trú tham gia tích cực không ngừng vào việc lập chương trình quốc gia và đối thoại chính sách nói chung và nâng cao vai trò của mình trong quản trị dự án nói riêng. Các cơ quan đại diện thường trú sẽ được khuyến khích hơn nữa trong việc thiết lập quan hệ đối tác với các đối tác phát triển, kể cả các cơ quan song phương và các tổ chức phi chính phủ, để hỗ trợ cho năng lực đánh giá và phân tích nghèo đói.

Phụ lục

Các mục tiêu và chỉ tiêu phát triển Thiên niên kỷ và đánh giá tiến bộ

Mục tiêu 1: Xóa bỏ tình trạng nghèo cùng cực và thiếu đói

Chỉ tiêu 1: Giảm một nửa tỷ lệ người dân có mức thu nhập dưới 1 USD/ngày trong giai đoạn từ 1990 đến 2015

Chỉ tiêu 2: Giảm một nửa tỷ lệ người dân bị thiếu đói trong giai đoạn từ 1990 đến 2015

Mục tiêu 2: Thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học

Chỉ tiêu 3: Đảm bảo cho trẻ em trai cũng như gái, ở khắp mọi nơi hoàn thành đầy đủ chương trình giáo dục tiểu học vào năm 2015

Mục tiêu 3: Tăng cường bình đẳng giới và nâng cao vị thế cho phụ nữ

Chỉ tiêu 4: Phấn đấu xóa bỏ chênh lệch giữa nam và nữ ở bậc tiểu học và trung học vào năm 2005 và ở tất cả các cấp học chậm nhất vào năm 2015

Mục tiêu 4: Giảm tỷ lệ tử vong ở trẻ em

Chỉ tiêu 5: Giảm hai phần ba tỷ lệ tử vong ở trẻ dưới 5 tuổi trong giai đoạn từ 1990 đến 2015

Mục tiêu 5: Tăng cường sức khỏe bà mẹ

Chỉ tiêu 6: Giảm ba phần tư tỷ lệ tử vong ở các bà mẹ trong giai đoạn từ 1990 đến 2015

Mục tiêu 6: Phòng chống HIV/AIDS, sốt rét và các dịch bệnh khác

Chỉ tiêu 7: Chặn đứng và bắt đầu đẩy lùi tình trạng lan rộng của bệnh dịch HIV/AIDS vào năm 2015

Chỉ tiêu 8: Chặn đứng và bắt đầu đẩy lùi tình trạng mắc bệnh sốt rét và các bệnh chủ yếu khác vào năm 2015

Mục tiêu 7: Đảm bảo tính bền vững về môi trường

Chỉ tiêu 9: Lòng ghép các nguyên tắc phát triển bền vững vào các chính sách chương trình quốc gia và đẩy lùi tình trạng suy giảm tài nguyên môi trường

Chỉ tiêu 10: Giảm một nửa tỷ lệ người dân không được tiếp cận bền vững với nước uống sạch vào năm 2015

Chỉ tiêu 11: Cải thiện đáng kể cuộc sống của ít nhất 100 triệu người ở các khu nhà ổ chuột vào năm 2020

Mục tiêu 8: Thiết lập quan hệ đối tác toàn cầu vì mục đích phát triển

Chỉ tiêu 12: Xây dựng một hệ thống thương mại và tài chính thông thoáng, hoạt động dựa trên các nguyên tắc, có thể dự báo và không phân biệt đối xử (bao gồm một cam kết đối với quản trị tốt, phát triển và giảm nghèo cả ở phạm vi quốc gia và quốc tế)

Chỉ tiêu 13: Đáp ứng các nhu cầu đặc biệt của các nước kém phát triển nhất (bao gồm khả năng tiếp cận với miễn trừ thuế quan và hạn ngạch cho hàng xuất khẩu, tăng cường chương trình xóa nợ cho các nước nghèo bị nợ nhiều và xóa bỏ các khoản nợ song phương chính thức cho các nước này, cung cấp nhiều ODA hơn cho các nước cam kết thực hiện xóa đói giảm nghèo)

Chỉ tiêu 14: Đáp ứng những nhu cầu đặc biệt của các nước nằm sâu trong nội địa và các quốc đảo nhỏ đang phát triển (thông qua Chương trình hành động vì sự phát triển bền vững của các quốc đảo nhỏ đang phát triển và các điều khoản do Đại hội đồng LHQ khóa 22 quy định)

Chỉ tiêu 15: Giải quyết toàn diện vấn đề vay nợ của các nước đang phát triển bằng các biện pháp quốc gia và quốc tế nhằm đảm bảo quản lý nợ bền vững và lâu dài

Chỉ tiêu 16: Hợp tác với các nước đang phát triển để xây dựng và thực hiện chiến lược tạo việc làm phù hợp và có năng suất cho thanh niên

- Chỉ tiêu 17: Hợp tác với các công ty dược phẩm để cung cấp các loại thuốc thiết yếu phù hợp với khả năng chi trả của người tiêu dùng ở các nước đang phát triển
- Chỉ tiêu 18: Hợp tác với khu vực tư nhân để làm cho các công nghệ mới, đặc biệt là các công nghệ thông tin và truyền thông, mang lại lợi ích cho người dân

ĐÁNH GIÁ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN THIÊN NIÊN KỲ
Hiện trạng các mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ ở Châu Á

Nước	Tỷ lệ dân số sống dưới mức 1 \$ mỗi ngày theo tương đương sức mua (PPP) năm 1993 (%)		Tỷ lệ trẻ gái so với trẻ trai ở cấp giáo dục tiểu học		Tỷ lệ từ vong ở trẻ sinh (tính trên 1.000 trẻ đẻ sống)		Tỷ lệ từ vong ở trẻ dưới 5 tuổi (tính trên 1.000 trẻ đẻ sống)	
	1990	2000	Đầu thập kỷ 90	Cuối thập kỷ 90	1990	2001	1990	2001
Áp-gha-ni-xtan	---	---	0,52 (90)	0,47 (95)	260	257	162	165
A-déc-bai-gian	<2,0	---	0,94 (90)	0,95 (98)	105	105	74	74
Băng-la-đét	35,9	29,1	0,81 (90)	0,92 (98)	144	77	96	51
Bu-tan	---	---	0,74 (93)	0,82 (98)	166	95	107	74
Căm-pu-chia	48,3	35,5	0,81 (93)	0,84 (98)	115	138	80	97
Cộng hoà nhân dân Trung Hoa	31,3	15,3	0,86 (90)	0,92 (98)	49	39	38	31
Bán đảo Cook	---	---	---	0,91 (98)	32	23	26	19
Fi-gi	---	---	0,95 (91)	0,93 (98)	31	21	25	18
Ấn Độ	52,5	44,2	0,71 (90)	0,81 (98)	123	93	84	67
In-đô-nê-xia	20,6	8,3	0,95 (90)	0,94 (96)	91	45	60	33
Ka-zắc-xtan	<2,0	<2,0	0,97 (93)	0,97 (98)	67	76	54	61
Ki-ri-ba-ti	---	---	0,98 (90)	0,96 (97)	88	69	65	51
Cộng hoà Ky-r-gi-zi-xtan	---	---	0,99 (90)	0,96 (98)	83	61	69	52
Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào	53,0	34,6	0,77 (90)	0,82 (98)	163	100	120	87
Ma-lai-xia	0,5	0,0	0,95 (90)	0,94 (98)	21	8	16	8
Man-đi-vơ	---	---	0,96 (92)	0,96 (98)	115	77	80	58
Bán đảo Mác-san	---	---	---	0,93 (98)	92	66	63	54
Mi-crô-nê-xia	---	---	---	---	31	24	26	20

--- = không có số liệu

^a kể cả 3 năm học tại các trung tâm đào tạo cộng đồng.

Nguồn: Ủy ban kinh tế và xã hội Châu Á - Thái Bình Dương của Liên Hợp Quốc (ESCAP) Thúc đẩy các mục tiêu Thiên niên kỷ ở Châu Á và Thái Bình Dương: Đường đầu với những thách thức giảm nghèo, năm 2003 tại trang web <http://www.unescap.org/LDC&Poverty/MDG.asp>

ĐÁNH GIÁ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN THIÊN NIÊN KỲ
Hiện trạng các mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ ở Châu Á (tiếp theo)

Nước	Tỷ lệ dân số sống dưới mức 1 \$ mỗi ngày theo tương đương sức mua (PPP) năm 1993 (%)		Tỷ lệ trẻ gái so với trẻ trai ở cấp giáo dục tiểu học		Tỷ lệ tử vong ở trẻ dưới 5 tuổi (tính trên 1.000 trẻ đẻ sống)		Tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh (tính trên 1.000 trẻ đẻ sống)	
	1990	2000	Đầu thập kỷ 90	Cuối thập kỷ 90	1990	2001	1990	2001
Mông Cổ	13.9	---	1.00 (90)	1.01 (98)	107	76	77	61
My-an-ma	---	---	0.94 (90)	0.97 (98)	130	109	91	77
Na-u-ru	---	---	---	1.02 (98)	---	30	---	25
Nê-pan	37.7	---	0.56 (90)	0.72 (98)	145	91	100	66
Pa-ki-xtan	47.8	31.0	0.48 (90)	0.55 (98)	128	109	96	84
Pa-pua Niu Ghi-nê	23.7	18.5	0.8 (90)	0.82 (98)	101	94	79	70
Phi-líp-pin	19.1	13.2	0.95 (90)	0.94 (95)	66	38	45	29
Cộng hoà Hàn Quốc	<2.0	---	0.94 (90)	0.89 (97)	9	5	8	5
Xa-moa	---	---	0.98 (90)	0.95 (98)	42	25	33	20
Bán đảo Xô-lô-mông	---	---	0.8 (90)	---	36	24	29	20
Sri Lan-ka	4.0	6.6	0.93 (90)	0.94 (98)	23	19	20	17
Ta-gi-ki-xtan	---	---	0.96 (90)	0.95 (96)	78	72	57	53
Thái Lan	12.5	5.2	0.94 (90)	0.93 (98)	40	28	34	24
Đông Ti-moa	---	---	---	---	---	---	---	85
Tông-ga	---	---	0.92 (90)	0.86 (98)	27	20	23	17
Tuốc-mê-ni-xtan	20.9	12.1	---	---	97	99	56	76
Tu-va-lu	---	---	0.91 ^a (90)	0.85 (98)	56	52	40	38
U-dơ-bê-ki-xtan	3.3	---	0.96 (90)	---	62	68	47	52
Va-nu-a-tu	---	---	0.89 (90)	0.91 (98)	70	42	52	34
Việt Nam	50.8	9.6	---	0.9 (98)	50	38	36	30

--- = không có số liệu

^a Kê cả 3 năm học tại các trung tâm đào tạo cộng đồng.

Nguồn: Ủy ban kinh tế và xã hội Châu Á - Thái Bình Dương của Liên Hợp Quốc (ESCAP) Thúc đẩy các mục tiêu Thiên niên kỷ ở Châu Á và Thái Bình Dương; Đường đầu với những thách thức giảm nghèo. Năm 2003 tại trang web <http://www.unescap.org/LDC&Poverty/MDG.asp>

ĐÁNH GIÁ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN THIÊN NIÊN KỲ
Hiện trạng các mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ ở Châu Á (tiếp theo)

Nước	Tỷ lệ lây nhiễm HIV ước tính (%) ở thanh niên (15-24 tuổi), tính đến cuối năm 1999						Tỷ lệ che phủ rừng so với diện tích đất tự nhiên (%)			Tỷ lệ cấp nước đô thị (%)		Tỷ lệ cấp nước nông thôn (%)	
	Nữ			Nam			1990	2000	1990	2000	1990	2000	
	Thấp	Cao	Thấp	Cao	Thấp	Cao	1990	2000	1990	2000	1990	2000	
Áp-gha-ni-xtan	---	---	---	---	---	---	2.1	2.1	---	19	---	11	
A-déc-bai-gian	---	---	---	---	---	---	13.1	11.5	---	93	---	58	
Băng-la-đét	<0.01	0.01	<0.01	0.02	---	---	10.2	9.0	99	99	93	97	
Bu-tan	---	---	---	---	---	---	64.2	64.2	---	86	---	60	
Căm-pu-chia	2.31	4.70	0.94	3.77	0.18	---	52.9	56.1	---	54	---	26	
Cộng hoà nhân dân Trung Hoa	0.02	0.03	0.07	0.18	---	---	17.5	15.6	99	94	60	66	
Bán đảo Cook	---	---	---	---	---	---	95.7	95.7	---	---	---	---	
Fi-gi	---	---	---	---	---	---	44.6	45.5	---	43	---	51	
Ấn Độ	0.40	0.82	0.14	0.58	---	---	21.6	21.4	88	95	61	79	
In-đô-nê-xia	0.02	0.04	0.01	0.04	---	---	58.0	65.2	92	90	62	69	
Ka-zắc-xtan	---	---	0.05	0.09	---	---	4.5	3.7	---	98	---	82	
Ki-ri-ba-ti	---	---	---	---	---	---	38.4	38.4	---	82	---	25	
Cộng hoà Kyr-gi-z i-xtan	---	---	---	---	---	---	5.2	4.0	---	98	---	66	
Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào	0.05	0.05	0.02	0.05	---	---	54.4	56.7	---	61	---	29	
Ma-lai-xia	0.08	0.10	0.03	0.82	---	---	58.7	65.9	---	---	---	94	
Man-đi-vơ	---	---	---	---	---	---	3.3	3.3	---	100	---	100	
Bán đảo Mác-san	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	
Mi-crô-nê-xia	---	---	---	---	---	---	---	34.8	---	---	---	---	
--- = không có số liệu													

HIV = vi rút làm suy giảm khả năng miễn dịch ở người

Nguồn: Ủy ban kinh tế và xã hội Châu Á - Thái Bình Dương của Liên Hợp Quốc (ESCAP) Thúc đẩy các mục tiêu Thiên niên kỷ ở Châu Á và Thái Bình Dương: Đường đầu với những thách thức giảm nghèo, năm 2003 tại trang web <http://www.unescap.org/LDC&Poverty/MDG.asp>

ĐÁNH GIÁ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN THIÊN NIÊN KỲ
Hiện trạng các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ ở Châu Á (tiếp theo)

Nước	Tỷ lệ lây nhiễm HIV ước tính (%) ở thanh niên (15-24 tuổi), tính đến cuối năm 1999		Tỷ lệ che phủ rừng so với diện tích đất tự nhiên (%)						Tỷ lệ cấp nước đô thị (%)			Tỷ lệ cấp nước nông thôn (%)		
	Nữ		Nam						1990			2000		
	Thấp	Cao	Thấp	Cao	Thấp	Cao	1990	2000	1990	2000	1990	2000		
Mông Cổ	---	---	---	---	---	---	7.2	6.8	---	---	77	---	---	30
My-an-ma	1.13	2.30	0.42	1.67	---	---	60.2	52.3	---	---	89	---	---	66
Nau-tu	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---
Nê-pan	0.13	0.26	0.06	0.23	0.06	0.23	32.7	27.3	93	93	94	64	87	
Pa-ki-xtan	0.03	0.1	0.02	0.10	0.02	0.10	3.6	3.1	96	96	95	77	87	
Pa-pua Niu Ghi-nê	0.16	0.33	0.03	0.13	0.03	0.13	70.1	67.6	88	88	88	32	32	
Phi-lip-pin	0.04	0.08	0.01	0.05	0.01	0.05	22.4	19.4	93	93	91	82	79	
Cộng hoà Hàn Quốc	<0.01	0.01	0.01	0.03	0.01	0.03	63.8	63.3	---	---	97	---	71	
Xa-moa	---	---	---	---	---	---	46.1	37.2	---	---	95	---	100	
Bán đảo Xô-lô-mông	---	---	---	---	---	---	90.3	88.8	---	---	94	---	65	
Sri Lan-ka	0.0	0.07	0.02	0.07	0.02	0.07	35.4	30.0	91	98	98	62	70	
Ta-gi-ki-xtan	---	---	---	---	---	---	2.7	2.8	---	---	93	---	47	
Thái Lan	1.53	3.11	0.47	1.89	0.47	1.89	31.1	28.9	87	95	95	78	81	
Đông Ti-moa	---	---	---	---	---	---	36.6	34.3	---	---	---	---	---	
Tông-ga	---	---	---	---	---	---	6.5	5.5	---	---	100	---	100	
Tuốc-mê-ni-xtan	---	---	---	---	---	---	8.0	8.0	---	---	---	---	---	
Tu-va-lu	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	
U-dơ-bê-ki-xtan	---	---	---	---	---	---	4.6	4.8	---	---	94	---	79	
Va-nua-tu	---	---	---	---	---	---	36.2	36.7	---	---	63	---	94	
Việt Nam	0.09	0.10	0.15	0.38	0.15	0.38	28.6	30.2	86	95	95	48	72	

--- = không có số liệu

HIV = vi rút làm suy giảm khả năng miễn dịch ở người

Nguồn: Ủy ban kinh tế và xã hội Châu Á - Thái Bình Dương của Liên Hợp Quốc (ESCAP). Thúc đẩy các mục tiêu Thiên niên kỷ ở Châu Á và Thái Bình Dương: Đường đầu với những thách thức giảm nghèo, năm 2003 tại trang web <http://www.unescap.org/LDC&Poverty/MDG.asp>